

Số: 707 /KH-UBND

Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2021-2030

Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật;

Thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2021-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc các nội dung Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng nhằm nâng cao nhận thức, phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong việc chăm lo đời sống của người khuyết tật, tạo cơ hội bình đẳng nhằm đáp ứng tốt hơn quyền lợi chính đáng, hợp pháp, động viên để người khuyết tật tự tin, phát huy năng lực, vươn lên hòa nhập, đóng góp cho xã hội.

- Tạo sự chuyển biến rõ rệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, phối hợp thực hiện các chính sách trợ giúp đối với người khuyết tật. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng nguồn lực thực hiện các hoạt động trợ giúp người khuyết tật. Tạo điều kiện để các tổ chức của người khuyết tật và các tổ chức vì người khuyết tật hoạt động có hiệu quả.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật được tiếp cận các chính sách giáo dục, học nghề, việc làm, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và giải trí.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ về quản lý nhà nước và tình hình thực tế, lãnh đạo các Sở, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, thực chất, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình phù hợp.

2. Yêu cầu

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch chủ động, kịp thời, đồng bộ; các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao chủ trì hoạt động có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai đúng tiến độ, thực chất, hiệu quả.

- Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, trách nhiệm giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật, Luật Người khuyết tật và cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường không rào cản bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người khuyết tật và hỗ trợ người khuyết tật phát huy khả năng của mình.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 – 2025

- 100% người khuyết tật trên địa bàn tỉnh có nhu cầu đều được xác định mức độ khuyết tật; 100% người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng được hướng dẫn các thủ tục lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng.

- Hàng năm thực hiện thăm, tặng quà cho 30% người khuyết tật trên địa bàn tỉnh nhân dịp ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4.

- Hàng năm khoảng 90% người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 90% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 1.000 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- 100% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông có đủ khả năng học tập và sức khỏe được tiếp cận giáo dục.

- 1.000 người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thiết bị cho 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt để đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật tại tỉnh; 100% người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn không lãi suất hoặc với lãi suất ưu đãi theo quy định.

- 85% công trình xây mới và 50% công trình cũ là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

- 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương; 100% người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định.

- Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông tối thiểu bằng 1/2 tỷ lệ chung cả tỉnh.

- 80% xã, phường, thị trấn thành lập được Câu lạc bộ thể thao – văn nghệ người khuyết tật; thu hút ít nhất 30% người khuyết tật tham gia tập luyện thể thao, 20% người khuyết tật tham gia các hoạt động văn nghệ; thư viện tỉnh và 90% thư viện huyện, thị xã, thành phố có tổ chức không gian đọc, đảm bảo tiện ích cho người khuyết tật.

- 100% người khuyết tật có khó khăn về pháp lý được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 70% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; 30% gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật; 30% người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống.

- 90% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.

- 70% các huyện, thị xã, thành phố có tổ chức của người khuyết tật.

b) Giai đoạn 2026 – 2030

- 100% người khuyết tật trên địa bàn tỉnh có nhu cầu đều được xác định mức độ khuyết tật; 100% người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng được hướng dẫn các thủ tục lập hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng.

- Hàng năm thực hiện thăm, tặng quà cho 50% người khuyết tật trên địa bàn tỉnh nhân dịp ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4.

- Hàng năm khoảng 95% người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 95% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; khoảng 2.000 trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- 100% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông có đủ khả năng học tập và sức khỏe được tiếp cận giáo dục.

- 10.000 người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thiết bị cho 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt để đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật tại tỉnh; 100% người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn không lãi suất hoặc với lãi suất ưu đãi theo quy định.

- 100% công trình xây mới và 60% công trình cũ là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật.

- 70% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương; 100% người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định.

- Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông tối thiểu bằng 2/3 tỷ lệ chung cả tỉnh.

- 100% xã, phường, thị trấn thành lập được Câu lạc bộ thể thao – văn nghệ người khuyết tật; thu hút ít nhất 40% người khuyết tật tham gia tập luyện thể thao, 30% người khuyết tật tham gia các hoạt động văn nghệ; thư viện tỉnh và 95% thư viện huyện, thị xã, thành phố có tổ chức không gian đọc, đảm bảo tiện ích cho người khuyết tật.

- 100% người khuyết tật có khó khăn về pháp lý được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 80% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; 50% gia đình có người

khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật; 40% người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống.

- 100% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.
- 80% các huyện, thị xã, thành phố có tổ chức của người khuyết tật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Trợ giúp y tế

a) Triển khai, tuyên truyền hệ thống chính sách pháp luật về giám định khuyết tật, phục hồi chức năng và các chính sách bảo hiểm y tế cho người khuyết tật.

b) Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

c) Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.

d) Triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

e) Người khuyết tật là người mắc bệnh tâm thần ở trạng thái kích động, trầm cảm, có ý tưởng, hành vi tự sát hoặc gây nguy hiểm cho người khác được hỗ trợ sinh hoạt phí, chi phí đi lại và chi phí điều trị trong thời gian điều trị bắt buộc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Trợ giúp giáo dục

a) Triển khai, tuyên truyền hệ thống các văn bản chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm phổ cập giáo dục Trung học cơ sở đối với người khuyết tật và thúc đẩy thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật.

b) Đảm bảo giáo dục người khuyết tật ở lứa tuổi mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu đa dạng của người khuyết tật.

c) Đưa nội dung giáo dục hòa nhập vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm.

d) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tham gia giáo dục người khuyết tật ở lứa tuổi mầm non và phổ thông về nghiệp vụ giáo dục người khuyết tật.

đ) Phát triển hệ thống dịch vụ và mô hình giáo dục người khuyết tật có hiệu quả từ trung ương đến địa phương phù hợp với nhu cầu đa dạng của người khuyết tật và người tham gia giáo dục người khuyết tật: phát hiện sớm, can thiệp sớm, giáo dục bán hòa nhập, giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa.

e) Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục đặc biệt của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

g) Cung cấp phương tiện, tài liệu hỗ trợ học tập dành riêng cho người khuyết tật trong trường hợp cần thiết; người khuyết tật nghe, nói được học bằng ngôn ngữ ký hiệu; người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo chuẩn quốc gia.

3. Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế

a) Triển khai, tuyên truyền hệ thống văn bản hướng dẫn tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật; thống kê, đánh giá các cơ sở đào tạo nghề đối với người khuyết tật và nhu cầu học nghề của người khuyết tật.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề đối với người khuyết tật linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức của người khuyết tật; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc của người khuyết tật.

c) Nhân rộng mô hình hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật; xây dựng mô hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp; mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đối với người khuyết tật; mô hình hợp tác xã có người khuyết tật tham gia chuỗi giá trị sản phẩm.

d) Ưu tiên thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật được vay vốn ưu đãi để tạo việc làm và mở rộng việc làm.

4. Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai

a) Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, người khuyết tật và tổ chức của người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai.

b) Xây dựng mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật.

c) Ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng giúp người khuyết tật nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai.

5. Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng

a) Đẩy mạnh các biện pháp thực thi Bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng.

b) Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng bảo đảm người khuyết tật tiếp cận sử dụng các công trình công cộng và nhà chung cư; xây dựng tiêu chuẩn hướng dẫn đảm bảo người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng hiện hữu.

c) Triển khai chính sách, thúc đẩy các giải pháp và sản xuất sản phẩm trợ giúp tiếp cận các công trình xây dựng; xây dựng các tài liệu minh họa, hướng dẫn thực hiện, giáo trình giảng dạy về thiết kế tiếp cận các công trình xây dựng trong công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao nhận thức của cộng đồng.

6. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

a) Nghiên cứu biên soạn và phát hành Sổ tay thiết kế công trình giao thông tiếp cận đối với hệ thống giao thông để làm cơ sở áp dụng trong quá trình phát triển hệ thống giao thông.

b) Tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng.

c) Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông.

d) Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng và nhu cầu tham gia giao thông của người khuyết tật phục vụ cho việc xây dựng chiến lược giao thông tiếp cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

e) Nghiên cứu thực hiện miễn giá vé đối với người khuyết tật khi tham gia giao thông bằng các phương tiện công cộng trên địa bàn tỉnh.

7. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

a) Triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trợ giúp người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.

b) Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật.

c) Phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ đào tạo người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề.

d) Áp dụng công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật.

8. Trợ giúp pháp lý:

a) Tăng cường thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý tại xã, phường, thị trấn nơi người khuyết tật có nhu cầu trợ giúp pháp lý, tại Hội của người khuyết tật, các cơ sở trợ giúp xã hội, trường học, cơ sở kinh doanh và các tổ chức khác của người khuyết tật khi có yêu cầu và phù hợp với điều kiện của địa phương.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ những người thực hiện trợ giúp pháp lý khi thực hiện việc trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật.

c) Truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật thông qua các hoạt động thích hợp.

9. Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch:

a) Hướng dẫn, đôn đốc các xã, phường, thị trấn thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể thao – văn nghệ người khuyết tật.

b) Hoàn thiện và phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu.

c) Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo hệ thống thư viện trên địa bàn hình thành môi trường đọc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện để hỗ trợ người khuyết tật.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật.

đ) Xây dựng tiêu chuẩn chế độ đối với người khuyết tật tham gia thi đấu thể thao trong nước và ngoài nước; tập huấn nghiệp vụ chuyên môn trọng tài,

huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật và các vận động viên tham gia thi đấu các giải; tập huấn sáng tác hội họa, âm nhạc, thơ ca cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch.

e) Hướng dẫn các địa điểm tham quan du lịch, địa điểm vui chơi giải trí thực hiện việc miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật khi tham quan, vui chơi, giải trí (theo quy định).

10. Trợ giúp phụ nữ khuyết tật:

a) Truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng về thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với phụ nữ yếu thế; tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, kết nối phụ nữ có nhu cầu tới các dịch vụ sẵn có nhằm hỗ trợ phụ nữ yếu thế tiếp cận với chính sách an sinh xã hội.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ yếu thế.

c) Rà soát, đánh giá các mô hình hiện có để phát triển, xây dựng thành mô hình truyền thông lồng ghép vận động hỗ trợ phụ nữ yếu thế tại cộng đồng; xây dựng mô hình phụ nữ khuyết tật tự lực.

d) Vận động, sử dụng nguồn kinh phí vận động thực hiện các hoạt động cho vay vốn không lãi suất, hỗ trợ sinh kế đối với phụ nữ khuyết tật.

11. Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng:

a) Vận động nguồn lực hỗ trợ nâng cấp một số cơ sở sản xuất, cung cấp các trang thiết bị, dụng cụ trợ giúp đối với người khuyết tật.

b) Hỗ trợ người khuyết tật: xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết.

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị; mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng.

12. Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá:

a) Tổ chức tuyên truyền pháp luật về người khuyết tật và những chủ trương, chính sách, chương trình trợ giúp người khuyết tật.

b) Xây dựng chương trình, đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật.

c) Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật.

d) Tập huấn cho gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật;

đ) Nghiên cứu học tập kinh nghiệm trợ giúp người khuyết tật của các tỉnh.

e) Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lồng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật; xây dựng phần mềm đăng ký và quản lý thông tin về người khuyết tật.

e) Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lồng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật; xây dựng phần mềm đăng ký và quản lý thông tin về người khuyết tật.

g) Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Triển khai Luật Người khuyết tật, các Luật liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật trợ giúp người khuyết tật trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch, tiếp cận công trình công cộng, giao thông, trợ giúp pháp lý và công nghệ thông tin và truyền thông.

2. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp người khuyết tật, huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trợ giúp người khuyết tật.

3. Lồng ghép các chỉ tiêu liên quan đến người khuyết tật trong hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành.

4. Đề cao vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc trợ giúp người khuyết tật.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để trợ giúp cho người khuyết tật.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tổng kinh phí: 59.368 triệu đồng (bao gồm: Ngân sách cấp tỉnh: 23.768 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 35.600 triệu đồng), trong đó:

- Năm 2021: 5.406 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.026 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.380 triệu đồng).

- Năm 2022: 5.641 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.261 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.380 triệu đồng).

- Năm 2023: 5.455 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.075 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.380 triệu đồng).

- Năm 2024: 5.685 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.305 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.380 triệu đồng).

- Năm 2025: 5.473 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.093 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.300 triệu đồng).

- Năm 2026: 6.367 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.627 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.740 triệu đồng).

- Năm 2027: 6.225 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.485 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.740 triệu đồng).

- Năm 2028: 6.382 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.642 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.740 triệu đồng).

- Năm 2029: 6.134 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.394 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.740 triệu đồng).

- Năm 2030: 6.600 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 2.860 triệu đồng; ngân sách cấp huyện: 3.740 triệu đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Ngoài ra, các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan trên cơ sở phân công nhiệm vụ thực hiện theo Kế hoạch này lập dự toán chi hàng năm để thực hiện Chương trình và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”

2. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Chương trình theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

b) Đóng góp, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.”

VI. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, pháp luật về người khuyết tật; tổ chức thực hiện việc giáo dục nghề, tạo việc làm, nhân rộng mô hình sinh kế, xây dựng mô hình hỗ trợ khởi nghiệp cho người khuyết tật; mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đối với người khuyết tật; hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết vào cuối năm 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức cho các chương trình, dự án về trợ giúp người khuyết tật.

3. Sở Tài chính hàng năm, căn cứ dự toán của các đơn vị xây dựng và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Sở Y tế chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ y tế và phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp người khuyết tật tiếp cận giáo dục và phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc thực hiện các hoạt động trợ giúp học sinh khuyết tật.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hoạt động phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai.

7. Sở Xây dựng chủ động tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng; thanh tra, xử phạt đối với các công trình xây dựng không đảm bảo người khuyết tật tiếp cận.

8. Sở Giao thông Vận tải chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông cho người khuyết tật.

9. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.


10. Sở Tư pháp chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, tiếp cận các dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch.

12. Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức thực hiện các hoạt động thúc đẩy cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật có nhu cầu được vay vốn không lãi suất hoặc với lãi suất ưu đãi theo quy định.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm về trợ giúp người khuyết tật; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép kinh phí các chương trình, các đề án có liên quan trên địa bàn để đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Bảo trợ người khuyết tật trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo, Hội người mù tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp của Thương binh tỉnh, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2021-2030./. 

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- TT. TU, HĐND, UBNDTQVN Tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (thực hiện);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (thực hiện);
- Lưu: VT, TH, Tản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lộc Hà